

BẢO TỒN DI SẢN VĂN HÓA GẮN VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH Ở BA TỈNH QUẢNG BÌNH, QUẢNG TRỊ VÀ THỪA THIÊN HUẾ

Võ Ngọc Đức*, Lê Ngọc Vân Anh, Hoàng Văn Hiến

Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

* Email: vngocduc@hueuni.edu.vn

Ngày nhận bài: 21/4/2024; ngày hoàn thành phản biện: 28/6/2024; ngày duyệt đăng: 24/7/2024

TÓM TẮT

Ba tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế đang sở hữu nhiều di sản văn hóa được xếp hạng di sản UNESCO, di sản cấp quốc gia. Các di sản này luôn chịu tác động của thời gian, khí hậu, môi trường sống, ý thức của cộng đồng... Hơn nữa, việc kết nối, chia sẻ dữ liệu các di sản văn hóa ba tỉnh chưa thực hiện được. Do vậy, việc giữ gìn, phát huy các giá trị của các di sản văn hóa đang là một thách thức, gặp nhiều khó khăn, là công việc quan trọng trong quản lý di sản văn hóa. Việc tìm ra mô hình, ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản là vô cùng quan trọng và cấp thiết. Bài báo định hướng tìm ý tưởng để hiện thực hóa “con đường di sản miền Trung” nhằm phát huy giá trị của di sản văn hóa của khu vực ba tỉnh.

Từ khóa: Bản sắc, di sản văn hóa, kết nối, chuyển đổi số, du lịch văn hóa.

1. MỞ ĐẦU

Là một vùng đất có truyền thống lịch sử và văn hóa lâu đời, xứ Thuận Hóa (địa danh hành chính cũ của vùng đất bao gồm ba tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế ngày nay) sớm được đề cập trong các bộ thư tịch, địa chí nổi tiếng của Việt Nam như *Dư địa chí* (1435) của Nguyễn Trãi, *Ô châu cận lục* (1555) của Dương Văn An, *Phủ biên tạp lục* (1776) của Lê Quý Đôn.

Ba tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế có nhiều di tích được xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia. Các di sản này luôn chịu tác động của thời gian, khí hậu, môi trường sống, ý thức của cộng đồng... Việc giữ gìn, khôi phục các giá trị văn hóa đang là một thách thức, là công việc quan trọng không chỉ riêng với Việt Nam mà đối với tất cả các quốc gia trên thế giới. Việc ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong việc quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản ở một số tỉnh thành đã được thực hiện nhưng còn rời rạc, thiếu đồng bộ, chưa thật sự hiệu quả. Chuyển đổi số

những di sản văn hóa cấp quốc gia không phải là một việc làm mới đối với nhiều nước trên thế giới, nhưng ở Việt Nam chưa thực sự phát triển công tác này cho lĩnh vực bảo tồn di sản.

Nhìn một cách tổng thể, ngoài Kinh đô Huế được các nhà nghiên cứu quan tâm và có nhiều bài viết trong và ngoài nước, hai tỉnh còn lại là Quảng Trị, Quảng Bình mặc dù là vùng đất có bề dày lịch sử, văn hóa và cảnh quan thiên nhiên vô cùng đặc biệt, song cho đến nay vẫn chưa có nhiều công trình nghiên cứu một cách chuyên sâu, hệ thống và toàn diện, với các số liệu thống kê đầy đủ về các di tích lịch sử hiện tồn tại trên vùng đất này. Chưa có bất kỳ công trình nghiên cứu quy mô và chuyên biệt nào về ba vùng đất này trong một hệ thống có tính chỉnh thể của vùng đất Thuận Hóa xưa. Việc nghiên cứu địa chính trị và địa văn hoá của ba tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế trong bối cảnh của một vùng đất đầy những biến động với quá trình phân ly, tách nhập và trong mối tương quan với các trung tâm hành chính, chính trị của khu vực là hết sức cần thiết để hiểu rõ hơn quy luật tồn tại phát triển cũng như suy tàn của từng trung tâm.

Qua việc phỏng vấn, khảo sát một số nhà quản lý di sản, các chuyên gia ở ba tỉnh, cho thấy sự thiếu đồng bộ, thiếu kết nối về hạ tầng quản lý thông tin các di sản văn hóa ở địa phương. Nghiên cứu này là một phần của Nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo Nghị định thư Italy – Việt Nam, hợp tác giữa Trường Đại học Bách Khoa Marche, Italy và Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế. Trước đó, giữa hai trường cũng đã có nhiều nghiên cứu liên quan đến khu vực miền Trung như Thành cổ Quảng Trị; Con đường đền tháp Champa ở Việt Nam; Di sản cảnh quan Việt Nam; Văn Thánh, Võ Thánh; các di tích dọc sông Hương. Với sự giúp đỡ của các chuyên gia Italy, nghiên cứu định hướng tìm ý tưởng để hiện thực hóa con đường di sản miền trung nhằm phát huy giá trị của di sản văn hóa của khu vực ba tỉnh.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Thu thập tài liệu thứ cấp

Phương pháp này được tiến hành để tìm hiểu để tái hiện trung thực bức tranh quá khứ của các di sản theo trình tự thời gian và không gian như nó đã từng diễn ra (quá trình hình thành, phát triển, biến đổi), qua đó làm rõ bản chất, đặc trưng cơ bản của từng loại hình di sản. Để phục vụ cho việc nghiên cứu lịch sử hình thành, phát triển và đặc thù kiến trúc, đề tài sẽ dùng hình ảnh gốc tư liệu đưa về hình chiếu 2D (two-dimensional: vật thể hai chiều) để tìm kích thước của các kiến trúc trong di tích.

2.2. Thu thập dữ liệu sơ cấp và xử lý số liệu

Sử dụng nhiều phương pháp khác nhau để thu được dữ liệu sơ cấp bao gồm:

Phương pháp khảo sát:

- Việc đánh giá ảnh hưởng của thiên tai đến các di sản văn hóa và không gian cảnh quan xung quanh, cũng như việc khảo sát các tác động khác của môi trường, sau đó sẽ được phân tích, tổng hợp từng lớp bản đồ bằng công nghệ GIS (Geographic Information Systems: hệ thống thông tin địa lý).

- Để giữ gìn các di sản văn hóa, ngoài các phương pháp nghiên cứu truyền thống như khảo sát, đo đạc, các chuyên gia sẽ cùng hợp tác sử dụng phần mềm hệ thống chụp ảnh (ví dụ như chụp toàn cảnh – Panorama, 360°) để lấy những hình ảnh có thể sử dụng vào việc xây dựng mô hình không gian ba chiều. Phương pháp này sẽ cho thấy rõ cấu trúc hệ thống, hình dáng, vật liệu và phong cách kiến trúc, điều đó dễ dàng đưa mô hình vào hệ thống để mô phỏng kết quả dự kiến phục vụ cho phát triển du lịch văn hóa.

Phương pháp phân tích, tổng hợp, đối chiếu, thống kê

- Nghiên cứu các di sản từ đơn lẻ đến tổng thể nhằm liên kết, thống nhất các di sản văn hóa thành hệ thống kết nối.

- Thu thập và xử lý số liệu, điều tra chọn mẫu, nghiên cứu mối liên hệ giữa các di sản văn hóa với hệ thống cảnh quan xung quanh.

- So sánh, đối chiếu số liệu hiện trạng, tư liệu lịch sử... để đưa ra các dữ liệu khoa học giúp cho việc tái hiện hình ảnh ba chiều chính xác hơn.

Phương pháp mô hình hóa 3D

- Sử dụng công nghệ 3D (three-dimensional: vật thể ba chiều) trong việc mô hình hóa các công trình di tích và cảnh quan. Kỹ thuật quang trắc cầu (photogrammetry) sẽ sử dụng để tái tạo vật thể từ đám mây điểm được xác định từ các tọa độ X,Y,Z bằng máy quét 3 chiều, máy ảnh chuyên dụng,... sau đó dùng phần mềm đồ họa để tạo đường, tạo mặt, tạo hình khối.

- Thu thập những tài liệu lịch sử để bổ sung cho khảo sát thực tế.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Đánh giá tiềm năng di sản văn hóa và thiên nhiên ba tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế

Dưới góc độ lịch sử, Thuận Hóa - địa danh hành chính cũ của vùng đất bao gồm ba tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế ngày nay gồm rất nhiều các công trình di sản văn hóa, di sản thiên nhiên. Đây là yếu tố văn hóa vô cùng quan trọng đã được khẳng định và lưu truyền qua thời gian. Những công trình này khi liên kết cùng nhau sẽ tạo nên một hình ảnh nhất định, đặc trưng cho khu vực đó. Thống kê

số lượng các di sản văn hóa tại ba tỉnh cũng là một vấn đề không hề dễ dàng. Bảng 1 thống kê sau đây là tổng hợp các số liệu di sản từ các nguồn khác nhau cho thấy sự đồ sộ về số lượng các di sản văn hóa ở ba tỉnh.

Bảng 1. Số lượng di sản thế giới được UNESCO ghi danh di sản văn hóa cấp quốc gia và di sản văn hóa cấp tỉnh

Cấp độ	Quảng Bình	Quảng Trị	Thừa Thiên Huế
Di sản UNESCO	3	0	6
Di sản văn hoá cấp quốc gia	47	42	89
Di sản văn hoá cấp tỉnh	52	216	90

(Nguồn: Tác giả)

Trên cơ sở vấn đề nghiên cứu và thực trạng của di tích tại ba tỉnh, nhận thấy rằng trên địa bàn ba tỉnh hiện nay đang tồn tại một hệ thống di sản văn hóa – thiên nhiên vô cùng độc đáo mang đặc trưng lịch sử văn hóa của từng vùng miền hay đặc trưng của mỗi vị trí địa lý (hình 1 và 2). Quảng Bình mang trong mình những giá trị lịch sử lâu đời, gắn liền với công cuộc bảo vệ và xây dựng đất nước của dân tộc ta. Đồng thời, với lợi thế về địa hình tự nhiên với các núi đá vôi liên mạch, những trầm tích qua thời gian hàng trăm triệu năm mài mòn, Quảng Bình sở hữu một hệ thống những hang động lớn nhỏ, đẹp và hùng vĩ. Quảng Trị lại là vùng đất đã để lại những trang sử hào hùng đầy tự hào và đáng khâm phục trong quá trình đấu tranh chống giặc ngoại xâm, bảo vệ độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc, nơi đây đã để lại cho đời sau nhiều di sản văn hóa vô cùng quý giá với hệ thống di tích lịch sử văn hóa vô cùng đồ sộ với nhiều di tích, danh thắng đã được xếp hạng. Tại Thừa Thiên Huế, quỹ di sản kiến trúc và danh thắng rất phong phú. Ngoài quần thể di tích cố đô Huế được UNESCO ghi danh là di sản văn hóa của nhân loại vào năm 1993, có thể kể đến quỹ di sản kiến trúc thuộc địa được xây dựng dưới thời Pháp thuộc, kiến trúc Trung Hoa ở các khu phố cổ Bao Vinh, Gia Hội hay các làng truyền thống ven đô. Bên cạnh đó di sản thiên nhiên như hệ thống đầm phá Tam Giang – Cầu Hai là hệ thống đầm phá lớn nhất Đông Nam Á.



Hình 1. Di sản thiên nhiên ba tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế (nguồn bản đồ [1-5], nguồn ảnh [6-9], xử lý ghép bản đồ, ghép ảnh bởi tác giả)



Hình 2. Di sản văn hoá vật thể ba tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế (nguồn bản đồ [1-5], nguồn ảnh [6-9], xử lý ghép bản đồ, ghép ảnh bởi tác giả)

Với quỹ di sản văn hóa và thiên nhiên vô cùng phong phú, một số ít trong đó đã được khảo sát, đánh giá, nghiên cứu với cứ liệu đầy đủ thì còn nhiều điểm vẫn chưa được khảo sát và đánh giá một cách đầy đủ về ý nghĩa lịch sử, văn hóa và các giá trị khác của nó. Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý di tích, kết nối với hệ thống du lịch chưa được ứng dụng nhiều. Bên cạnh các di tích tại Thừa Thiên Huế được đầu tư bảo tồn, giữ gìn và phục dựng, còn rất nhiều kiến trúc, cảnh quan và những gì còn lại ở các di tích ở Quảng Trị, Quảng Bình đang đứng trước nhiều nguy cơ bị xuống cấp và mai một trầm trọng. Nguyên nhân của thực trạng này đến từ sự tàn

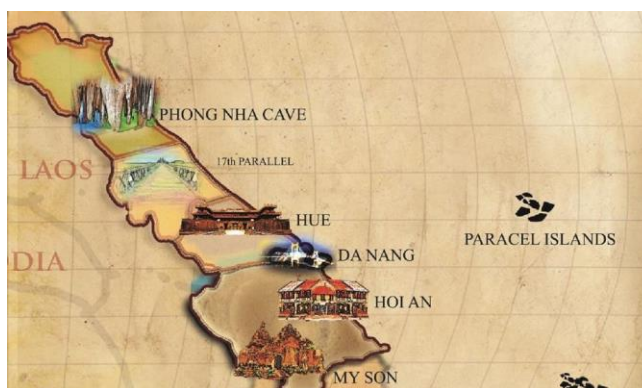
phá của chiến tranh, ảnh hưởng từ khí hậu khắc nghiệt trong chuỗi dài lịch sử và hoạt động sử dụng không đúng mục đích của con người sau chiến tranh, tác động tiêu cực của sự biến đổi môi trường tự nhiên và xã hội. Bên cạnh đó, quá trình đô thị hóa cũng đã tạo ra những áp lực đối với bảo tồn di sản. Di sản kiến trúc, cảnh quan hiện tại có tính tản mác và chưa thể hình thành một hệ thống địa danh có tính thống nhất như nó đã từng tồn tại trong lịch sử.

3.2. Sự kết nối di sản và tình hình thực tế

“Con đường di sản miền Trung” là một chương trình du lịch do Tổng cục Du lịch Việt Nam phát động. Con đường di sản này có mục tiêu kết nối các di sản thế giới ở miền Trung, bao gồm: Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng ở Quảng Bình; Cố đô Huế với hai di sản: Quần thể di tích cố đô Huế và nhã nhạc cung đình Huế; Tỉnh Quảng Nam với hai di sản: Thánh địa Mỹ Sơn và phố cổ Hội An. Về sau, cùng với hai di sản thế giới khác là cố đô Luang Prabang và quần thể Angkor Wat đã kết hợp thành chương trình hợp tác du lịch lớn hơn mang tên “Lào, Campuchia, Việt Nam: 3 quốc gia, một điểm đến”.

“Con đường di sản miền Trung” đã kết nối du khách với các di sản vật thể và phi vật thể được UNESCO ghi danh. Ngoài ra, du khách còn có thể khám phá nhiều điểm đến hấp dẫn khác trên con đường này. Với mong muốn mang lại lợi ích lâu dài, đề xuất của Paul Stoll đã được lãnh đạo các địa phương ủng hộ và triển khai từ năm 2002 [10]. Trên thực tế, tuyến du lịch này đã trở thành biểu tượng một thời của du lịch miền Trung, không chỉ góp phần quảng bá du lịch các địa phương nói trên mà còn tạo sức hút đối với các nhà đầu tư nước ngoài.

Tuy nhiên, kể từ năm 2014, xu hướng liên kết phát triển du lịch miền Trung có dấu hiệu chững lại [10]. Trên thực tế, liên kết giữa các địa phương miền Trung trong phát triển du lịch chỉ diễn ra ở cấp chính quyền, cơ quan quản lý nhà nước về du lịch và hiệp hội du lịch. Các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực du lịch, dịch vụ chưa thực sự chung tay tạo ra sản phẩm du lịch chung cho toàn vùng. Điều này dẫn đến kết quả không như mong muốn.



Hình 3. Một áp phích về “Con đường di sản miền Trung” (nguồn ảnh [11])

Tháng 02 năm 2023, nhóm nghiên cứu đã có chuyến khảo sát ba tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế và thu được những đánh giá ban đầu ở cấp độ quản lí. Các cơ quan mà chúng tôi đã tiến hành khảo sát là: Sở Văn hóa Thể thao tỉnh Quảng Bình, Bảo tàng Quảng Bình, Trung tâm quản lý di tích và bảo tàng Quảng Trị, Nhà trưng bày đôi bờ Hiền Lương, Sở Văn hóa Thể thao tỉnh Thừa Thiên Huế, Trung tâm Bảo tồn di tích cố đô Huế. Thông tin ghi nhận được ở bảng 2.

Bảng 2. Khảo sát về tình hình quản lí di sản chung ở ba tỉnh

Các vấn đề	Tình hình thực tế
Dữ liệu	- Hệ thống cơ sở dữ liệu của mỗi tỉnh độc lập với từng địa phương khác. - Chuyển đổi số phụ thuộc vào chính sách và khả năng của từng địa phương. - Có hệ thống thông tin địa lý nhưng chưa kết nối với hệ thống thông tin du lịch. - Dữ liệu di sản phục vụ du lịch còn hạn chế, chỉ đề cập đến những điểm nổi bật còn toàn bộ hệ thống thì không có, đặc biệt là sự kết nối ba tỉnh.
Giáo dục	- Hệ thống bảo tàng có lượng thông tin ít và có các hoạt động liên quan đến giáo dục nhưng không nhiều. - Những thông tin liên quan đến di sản... chưa được phổ biến rộng rãi đến nhiều người, đặc biệt là thế hệ trẻ. - Du khách cũng gặp khó khăn trong việc tìm kiếm thông tin ở đây cũng như có cái nhìn tổng quan về lịch sử, văn hóa, di sản. - Chưa có sự kết nối giữa các bảo tàng trong tỉnh và giữa các tỉnh với nhau. - Không có kế hoạch tương lai của bảo tàng về du lịch, giáo dục và ứng dụng kỹ thuật. - Có liên kết với các cơ sở giáo dục tại địa phương để giới thiệu, thu hút sự quan tâm về di sản đến các em học sinh nói riêng và thế hệ trẻ nói chung.
Cấp quản lý hệ thống di sản	- Hệ thống di sản văn hóa ở Việt Nam được chia thành nhiều cấp độ như di sản quốc gia, di sản cấp tỉnh và cấp đặc biệt. Mỗi cấp sẽ là một đơn vị quản lý hành chính. Điều này gây khó khăn cho việc đồng bộ hóa di sản.
Kết nối	- Thiếu sự kết nối giữa các lĩnh vực (bao gồm quản lý, hệ thống thông tin, du lịch, hoạt động, giáo dục)
Du lịch	- Khả năng tiếp cận thông tin của khách du lịch còn hạn chế

Những tiềm năng di sản văn hóa và thiên nhiên ba tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế cùng với thực tế khảo sát được đã đặt ra cho nhóm nghiên cứu một mục tiêu về một công trình quy mô lớn với các công tác như thống kê, phân loại,

đánh giá và quản lý các di tích này bằng cách tạo ra các phương thức bảo tồn, giữ gìn và phát huy các giá trị di sản văn hóa, di sản cảnh quan trên cơ sở ứng dụng CNTT, cụ thể sử dụng công nghệ 3D trong việc mô hình hóa di tích, cảnh quan di tích, phục dựng bằng hình ảnh kiến trúc. Bên cạnh đó, nhiệm vụ sẽ đưa ra mô hình bảo tồn, phát huy các di sản văn hóa tiêu biểu gắn với phát triển du lịch dựa trên ứng dụng CNTT. Công trình nghiên cứu này cũng sẽ góp phần hiệu quả trong việc quản lý và phát huy giá trị lịch sử - văn hóa, giá trị cảnh quan của các di tích, phát triển tiềm năng du lịch nâng cao điều kiện sinh kế của người dân địa phương. Đồng thời, đề xuất các giải pháp để thực hiện mô hình này, kết nối các điểm di sản văn hóa tiêu biểu thành một hệ thống du lịch mang đặc trưng của môi trường, địa lý, không gian sinh thái của ba vùng đất như đền tháp Chăm-pa, Thành lũy nhà Nguyễn, kiến trúc Cung đình, đền đài miếu mạo, hệ thống cảnh quan đầm phá, sông hồ, hang động, cảnh quan chứng tích lịch sử như đôi bờ Hiền Lương - Bến Hải, địa đạo Vịnh Mốc, khu phi quân sự DMZ... Một khi các di sản văn hóa được chú trọng tôn tạo về mặt lịch sử, kiến trúc và cảnh quan thì sẽ hình thành nên một tuyến di tích lịch sử văn hóa, du lịch sinh thái, du lịch tâm linh, lôi cuốn du khách trong và ngoài nước. Từ đó, di sản văn hóa lịch sử của vùng Thuận Hóa xưa sẽ trở thành tài nguyên bền vững trong hệ thống di tích quốc gia và góp phần tôn vinh vị thế của văn hóa và lịch sử Việt Nam trong cộng đồng quốc tế.

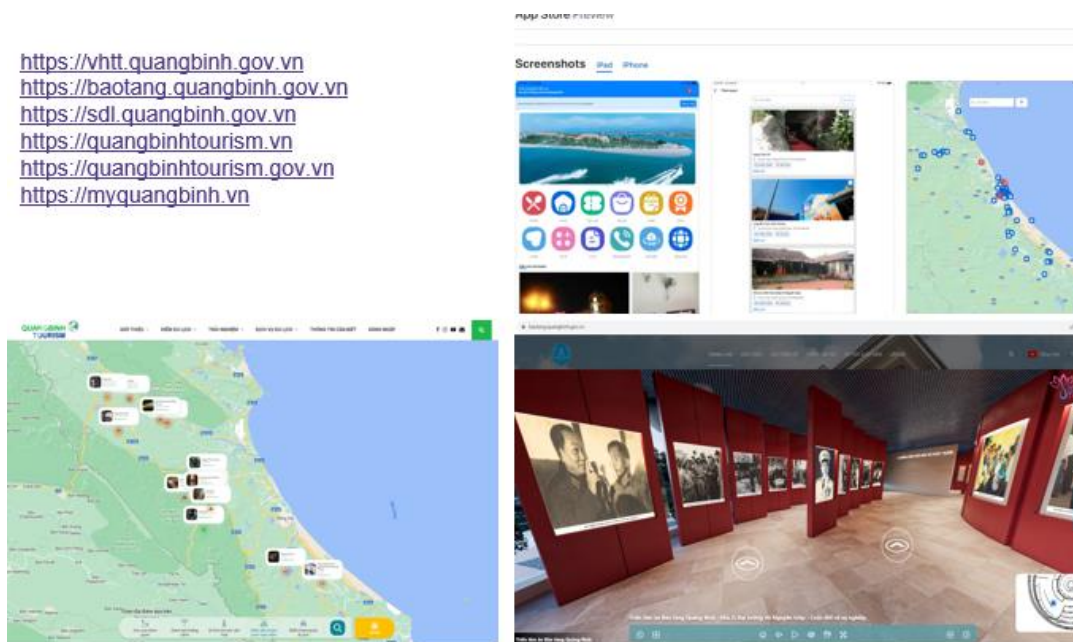
Một cách tổng quát, sự kết nối di sản bằng con đường từ Bắc vào Nam. Từ Tây sang Đông và kết nối với các điểm lân cận khác là một nghiên cứu cần sự tham gia của nhiều bên như cộng đồng – chủ sở hữu di sản, địa phương – nơi tồn tại di sản, các cơ quan quản lý di sản, các chuyên gia nhà nghiên cứu, các nhà kỹ thuật thực hành chuyển đổi số dưới dạng bản đồ số, hình ảnh 2D, 3D với sự kết hợp đa ngành về kiến trúc, lịch sử, địa lý, môi trường.

3.3. Nghiên cứu xây dựng mô hình kết nối di sản nhằm bảo tồn, phát huy giá trị di sản gắn với phát triển du lịch

Để nghiên cứu xây dựng mô hình kết nối di sản dựa trên phân tích, đánh giá giá trị của các di sản văn hóa của ba tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế, từng bước ứng dụng CNTT vào số hóa để xây dựng dữ liệu về di tích, quản lý cơ sở dữ liệu (CSDL), nhóm nghiên cứu đã tiến hành khảo sát hiện trạng ứng dụng công nghệ thông tin trong nghiên cứu, bảo tồn các di sản văn hóa tiêu biểu của ba tỉnh.

Quảng Bình đã ứng dụng CNTT vào hoạt động bảo tồn và bảo tàng, thay đổi cách làm việc truyền thống, đặc biệt là công tác truyền thông, quảng bá, quản lý hiện vật, di tích, nghiên cứu khoa học, lưu trữ thông tin... góp phần đơn giản hóa thủ tục hành chính. Việc ứng dụng trước CNTT chủ yếu được áp dụng vào các hoạt động nghiệp vụ bảo tồn và lưu giữ. Tuy nhiên, hệ thống CSDL của tỉnh về di sản văn hóa và dịch vụ du lịch còn rất ít, mới bắt đầu được phát triển và dần dần đưa vào sử dụng. Một số nền tảng phục vụ phát triển chính quyền số, thành phố thông minh trên địa bàn

tính cơ bản đã được đầu tư và triển khai bước đầu. Hơn nữa, các nền tảng du lịch thông minh hỗ trợ khách du lịch vẫn chưa đi vào hoạt động đồng bộ... Công tác chia sẻ, tích hợp CSDL ngành, lĩnh vực trên quy mô toàn tỉnh để kết nối với CSDL quốc gia đã được triển khai nhưng vẫn chưa được thực hiện. Các đơn vị xây dựng CSDL riêng, độc lập nên không có giải pháp tổng hợp để sử dụng chung.



Hình 4. Mỗi cấp quản trị với một website khác nhau. Người dùng phải tìm kiếm trên nhiều nền tảng và ứng dụng khác nhau (nguồn: tổng hợp từ các website của tỉnh Quảng Bình [12-17])

Trên địa bàn Quảng Trị có nhiều ứng dụng công nghệ hỗ trợ quản lý di tích và quảng bá du lịch như: Du lịch Quảng Trị (CD – năm 2007); Xây dựng bản đồ du lịch tỉnh Quảng Trị (Quangtriturmap) bằng công nghệ GIS (năm 2010); Xây dựng hệ thống thông tin các nguồn lực phát triển Quảng Trị; Thiết kế hệ thống cơ sở dữ liệu tài nguyên du lịch tỉnh Quảng Trị (2013). Mặc dầu vậy, do hạn chế về công nghệ, các ứng dụng trước đây chỉ chạy trên CD hoặc server nên việc đưa vào sử dụng gặp nhiều trở ngại, phục vụ phạm vi nhỏ, hoặc cho nội dung học thuật, chưa có sản phẩm phổ biến để phục vụ du khách [18]. Bên cạnh đó, việc thiếu tiếp cận với các công nghệ mới (GIS, GPS, 3D) cũng là một rào cản rất lớn khiến các CSDL du lịch còn tản mát và chưa được hệ thống; một phần do công nghệ cũng chưa phát triển nên các sản phẩm chủ yếu là ngoại tuyến phục vụ cho người dùng đầu cuối trên máy tính cá nhân hoặc máy tính xách tay. Và du khách cũng vẫn còn thói quen sử dụng các sản phẩm hỗ trợ giới thiệu quảng bá du lịch qua website hoặc chủ yếu vẫn là các sản phẩm truyền thống như tờ rơi có bản đồ vị trí và mô tả kèm theo hình ảnh. Tuy nhiên, về sau cùng với sự phát triển của công nghệ nhất là ứng dụng của GIS với các phần mềm MapInfo, Google Earth Engine sau này hàng loạt các phần mềm cũng như các ứng dụng online Google

Map, Google Earth,... đã hỗ trợ rất nhiều cho việc ứng dụng vào quảng bá các điểm du lịch thông qua giới thiệu chi tiết sinh động các điểm di tích.



CSDL Bản đồ Di sản văn hóa Quảng Trị
- Mô hình Story Map Series



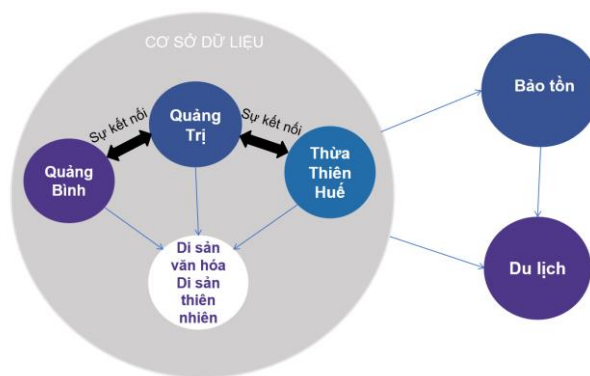
CSDL Bản đồ Cụm di tích lịch sử Thành Cổ Quảng
Trị và sự kiện lưu niệm 81 ngày đêm năm 1972

Hình 5. CSDL - Bản đồ di sản văn hóa tỉnh Quảng Trị (nguồn ảnh từ Ứng dụng “Di sản văn hóa Quảng Trị” [18])

Thừa Thiên Huế được coi là một trong những địa phương bảo tồn tốt nhất các giá trị di sản truyền thống của Việt Nam, cả về di sản vật thể và phi vật thể... Công tác bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa được chú trọng về việc triển khai hiệu quả. Ứng dụng CNTT, số hóa di sản và từng bước thực hiện chuyển đổi số trong bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa là giải pháp mà ngành văn hóa, du lịch của tỉnh đang áp dụng. Giải pháp này đã giúp lưu trữ dữ liệu và quảng bá hình ảnh di sản văn hóa ở Thừa Thiên Huế một cách hiệu quả. Mặc dù Thừa Thiên Huế đã đạt được một số thành tựu trong việc ứng dụng CNTT vào nghiên cứu, bảo tồn và phát huy di sản văn hóa đặc trưng của tỉnh nhưng vẫn còn nhiều vấn đề liên quan đến thực tiễn triển khai, ứng dụng, hoạt động có hiệu quả cho cơ quan quản lý, doanh nghiệp, để du khách được đồng bộ, thích ứng vẫn khá phức tạp, đòi hỏi sự chung tay của toàn xã hội của nhiều bên như nhà nước, doanh nghiệp, người dân và du khách. Những hạn chế về nguồn lực kinh tế, cơ sở vật chất kỹ thuật và nguồn nhân lực gây khó khăn cho chuyển đổi số. Việc khai thác thế mạnh ứng dụng CNTT cho di sản Cố đô Huế chưa thực sự hiệu quả cao nhất, sản phẩm chưa phát triển, thiếu tương tác cho du khách trải nghiệm. Công tác số hóa chủ yếu tập trung cho các công trình kiến trúc trong khu Đại Nội, hệ thống lăng tẩm. Các điểm khác trên địa bàn tỉnh chưa được khai thác để phát triển du lịch hoặc đã được khai thác ở mức độ nhỏ. Thành tựu ứng dụng khoa học và công nghệ mới thời gian qua ở Thừa Thiên Huế rất đáng kể nhưng vẫn chưa tương xứng với giá trị di sản và yêu cầu của nhà quản lý.

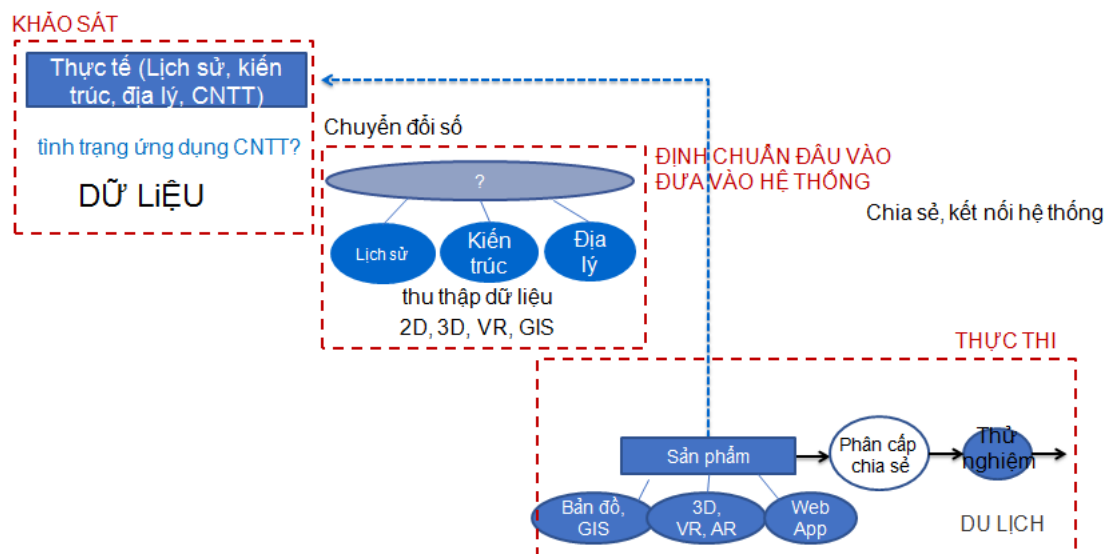
Từ khi Công ước Di sản Thế giới được thông qua vào năm 1972, sự chú trọng vào di sản văn hóa và thiên nhiên đã tăng lên đáng kể. Cùng với việc thông qua công ước này, cộng đồng quốc tế đã thừa nhận vai trò quan trọng của việc bảo vệ và bảo tồn di sản văn hóa và thiên nhiên cùng với sự phát triển bền vững. Di sản cũng là một tiềm

năng kinh tế dựa vào du lịch. Nó được coi là một công cụ và yếu tố quan trọng của phát triển kinh tế, xã hội và môi trường - ba khía cạnh chính của phát triển bền vững. Với ý tưởng về việc kết nối di sản để bảo tồn và nâng cao giá trị, việc tổ chức một cơ sở dữ liệu chung cho Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế có thể tạo điều kiện cho phát triển du lịch một cách bền vững hơn. Vì vậy, việc đầu tiên nhóm nghiên cứu sẽ tiến hành thu thập tài liệu với dữ liệu đa ngành từ kiến trúc, lịch sử, địa lí, môi trường. Tái hiện một cách trung thực bức tranh quá khứ về di sản theo đúng trình tự thời gian và không gian. Sau đó tiến hành khảo sát để hiểu và đánh giá tác động bên ngoài đến di sản văn hóa và không gian xung quanh. Việc chuyển đổi số sẽ được thực hiện bằng nhiều phương pháp như vẽ 2D, chụp ảnh, scan 3D, GIS, ảnh 360°. Từ đó tạo ra 1 tệp dữ liệu, có thể được tổng hợp thông qua một WebGIS. Các dữ liệu thu thập được sẽ là cơ sở để đề xuất các mô hình bảo tồn và phát huy di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch.



Hình 6. Cách thức tiếp cận (nguồn: tác giả)

Trong khuôn khổ dự án này, phía Trường Đại học Bách Khoa Marche, Italy đã giúp đội ngũ nhà nghiên cứu Việt Nam từng bước học tập được kinh nghiệm trong số hóa dữ liệu 3D, quản lý đa dữ liệu (multi-data) thông qua WebGIS. Đồng thời tận dụng được trang thiết bị máy móc hiện đại, phần mềm và công nghệ của nước bạn trong lĩnh vực khảo sát, phân tích ảnh viễn thám, phép quang trắc cầu, quản lý dữ liệu di sản, lập bản đồ đa lớp, mô hình 3D đô thị, đề xuất các mô hình giữ gìn di sản văn hóa và di sản cảnh quan. Hình 7 chia sẻ mô hình tổng quan các bước trong quá trình thực hiện nghiên cứu, khảo sát, lập CSDL các di sản văn hóa và đề ra mô hình để giữ gìn và phát huy giá trị di sản văn hóa ở ba tỉnh.



Hình 7. Các bước khảo sát, số hóa di sản trên cơ sở ứng dụng CNTT (nguồn: tác giả)

Sự phối hợp nghiên cứu trên tổng thể các di sản văn hóa ba tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế trên nền tảng nghiên cứu là các di sản văn hóa, dùng công nghệ làm nổi bật các giá trị của di sản văn hóa. Xây dựng CSDL các di sản văn hóa tiêu biểu bằng ứng dụng CNTT tạo thành kho dữ liệu quan trọng, giúp dễ dàng cho việc lưu trữ, quản lý và kết nối các di sản văn hóa. Bên cạnh việc lưu trữ, dữ liệu này còn có thể nhận biết và khai thác, phát huy giá trị các di sản văn hóa của địa phương.

Trên cơ sở đó, đề xuất mô hình bảo tồn, phát huy các di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch nhờ ứng dụng CNTT kết hợp giữa tham quan thực tế và thực tế ảo. Bên cạnh tham quan thực tế, khách du lịch có thể xem sự tái hiện các di sản văn hóa thông qua hình ảnh 3D, thực tế ảo. Ứng dụng công nghệ để làm nổi bật các giá trị văn hóa bản địa, phát huy tiềm năng du lịch và mang lại lợi ích cho cộng đồng địa phương.

4. KẾT LUẬN

Như chuyên gia Đặng Văn Bài (nguyên Cục trưởng Cục Di sản) cho biết, khi chúng tôi có báo cáo tiền dự án, điểm nổi bật của dự án là: đây là nghiên cứu đầu tiên về di sản sử dụng phương pháp địa văn hóa của ba tỉnh thành Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, cụ thể hóa chương trình “Con đường di sản miền Trung”. Cách tiếp cận từ địa văn hóa cho cả ba tỉnh là hướng nghiên cứu phù hợp nhằm kết nối các di sản văn hóa ba tỉnh, góp phần giữ gìn và phát huy giá trị của di sản văn hóa của ba tỉnh. Ứng dụng công nghệ GIS, công nghệ 2D, 3D trong việc xây dựng CSDL các di sản văn hóa, từ đó tìm là mô hình và giải pháp phù hợp cho việc giữ gìn, phát huy các di sản văn hóa, quản lý và đề xuất giải pháp kết nối các di sản văn hóa tiêu biểu gắn với

phát triển du lịch và quảng bá di sản trên cơ sở ứng dụng CNTT, nhằm phát triển du lịch và phát triển kinh tế địa phương.

LỜI CẢM ƠN

Bài báo được viết từ số liệu của Nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo Nghị định thư với Italy, đề tài "Nghiên cứu định hướng giải pháp bảo tồn di sản văn hóa cấp quốc gia gắn với phát triển du lịch ba tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin", mã số: NĐT/IT/22/17 và số liệu của đề tài nghiên cứu khoa học cấp Đại học Huế: "Nghiên cứu định hướng giải pháp bảo tồn kiến trúc Kinh thành Huế gắn với phát triển du lịch", mã số DHH2023-01-203. Chúng tôi xin chân thành cảm ơn Bộ Khoa học Công nghệ, Đại học Huế, Trường Đại học Khoa học Huế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. <https://dandautu.vn/m/ban-do-tinh-thua-thien-hue>
- [2]. <https://diaochongthai.com/ban-do-quang-tri/>
- [3]. <https://dandautu.vn/m/ban-do-tinh-quang-binh>
- [4]. <https://bandohanhchinh.wordpress.com/2011/03/29/b%E1%BA%A3n-d%E1%BB%93-hanh-chinh-thanh-ph%E1%BB%91-da-n%E1%BA%B5ng/>
- [5]. <https://diaochongthai.com/ban-do-quang-nam/>
- [6]. <https://quangtri.gov.vn>
- [7]. <https://quangbinh.gov.vn>
- [8]. <https://baothuathienhue.vn/>
- [9]. <https://www.baoquangbinh.vn/>
- [10]. Hữu Phúc (2023). “Làm mới và phát huy liên kết “Con đường di sản miền Trung”, báo Thừa Thiên Huế online, link: <https://baothuathienhue.vn/du-lich/lam-moi-va-phat-huy-lien-ket-con-duong-di-san-mien-trung-133899.htm>
- [11]. <https://www.vietravel.com/vn/du-lich-bang-hinh-anh/lang-co-vinh-bien-nguyen-so-duoi-chan-deo-hai-van-v3186.aspx>
- [12]. <http://svhtt.quangbinh.gov.vn>
- [13]. <http://baotang.quangbinh.gov.vn>
- [14]. <http://sdl.quangbinh.gov.vn>
- [15]. <http://quangbinhtourism.vn>
- [16]. <http://quangbinhtourism.gov.vn>
- [17]. <http://myquangbinh.vn>
- [18]. Mai Lâm (2022). “Trải nghiệm mới về di tích qua ứng dụng “Di sản văn hóa Quảng Trị””, link: <https://baoquangtri.vn/trai-nghiem-moi-ve-di-tich-qua-ung-dung-di-san-van-hoa-quang-tri-166794.htm>
- [19]. <https://www.hueworldheritage.org.vn/>
- [20]. Nguyen Huu Long Phung (2016), “Heritage and climate change: Urban and architectural perspective for “floodscape” in Quang Tri province”, PhD thesis, UNIVPM.
- [21]. Trần Văn Ý, Phan Tuấn Anh và nnk (2009-2010). “Xây dựng Hệ thống Thông tin các nguồn lực phát triển Quảng Trị”, Đề tài khoa học cấp tỉnh, Quảng Trị.
- [22]. Bộ Thông tin và Truyền thông (2020). “Báo cáo chỉ số sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông Việt Nam năm 2020” (Việt Nam ICT Index 2020).

**PRESERVATION OF CULTURAL HERITAGE
ASSOCIATED WITH TOURISM DEVELOPMENT
IN QUANG BINH, QUANG TRI AND THUA THIEN HUE PROVINCES**

Vo Ngoc Duc*, Le Ngoc Van Anh, Hoang Van Hien

University of Sciences, Hue university

* Email: vngocduc@hueuni.edu.vn

ABSTRACT

The three provinces of Quang Binh, Quang Tri, and Thua Thien Hue possess many cultural heritages ranked as UNESCO heritage sites and national heritages. These heritages are always affected by time, climate, living environment, community consciousness... Furthermore, connecting and sharing data on the cultural heritage of the three provinces has not yet been implemented. Therefore, preserving and promoting cultural heritage values is a challenge, facing many difficulties, and is an essential job in cultural heritage management. Finding a model and applying information technology in managing, preserving, and promoting the cultural heritage's values are significant and urgent. The article aims to find ideas to realize the Central Heritage Road to promote the value of the cultural heritage of the three-province region.

Keywords: Identity, cultural heritage, connection, digital transformation, cultural tourism.



Võ Ngọc Đức sinh năm 1979 tại TP. Huế. Năm 2002, ông tốt nghiệp kiến trúc sư ngành kiến trúc công trình trường Đại học Kiến trúc Hà Nội; năm 2010, ông tốt nghiệp thạc sĩ kiến trúc tại trường Đại học Kiến trúc Hà Nội; năm 2019, ông hoàn thành tiến sĩ kiến trúc tại khoa Kỹ thuật, trường Đại học Bách khoa Marche (UNIVPM), Italy. Hiện nay, ông là giảng viên khoa Kiến trúc trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

Lĩnh vực nghiên cứu: bảo tồn, thiết kế cảnh quan, và phát triển bền vững cho thành phố Huế.



Lê Ngọc Vân Anh sinh năm 1985 tại TP. Huế. Bà tốt nghiệp khoa Kiến trúc, trường Đại học Khoa học, Đại học Huế năm 2008; năm 2013 bà nhận học vị tiến sĩ kiến trúc tại trường Đại học Bách khoa Marche, Italy. Hiện nay, bà là giảng viên khoa Kiến trúc trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

Lĩnh vực nghiên cứu: Kiến trúc thích ứng khí hậu; nhà low-cost; nhà ở xã hội; Du lịch bền vững; Du lịch và kiến trúc; Ứng dụng công nghệ trong kiến trúc; Tái định cư và di sản.



Hoàng Văn Hiến sinh ngày 02 tháng 8 năm 1962 tại Thừa Thiên Huế. Ông tốt nghiệp Cử nhân chuyên ngành Lịch sử tại Trường Đại học Tổng hợp Huế (nay là Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế) năm 1988. Ông nhận học vị Tiến sĩ tháng 10/2001 tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội. Ông được công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tháng 11/2009 theo Quyết định số 222/2009/QĐ-HĐCDGSNN ngày 17/11/2009 của Hội đồng chức danh Giáo sư Nhà nước. Hiện là Giảng viên cao cấp Khoa Lịch sử - Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

Lĩnh vực nghiên cứu: Lịch sử Thế giới, Quan hệ quốc tế, Khu vực học, Văn hóa học.